

HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

Ths. Nguyễn Doãn Hoàn

UBND huyện Thạch Thất

Hoàng Thị Thu Phương

Sở Tài chính Hà Nội

Email: tacke7904@yahoo.com

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương xã hội hóa và tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công, việc huy động và sử dụng nguồn tài chính của giáo dục và đào tạo ở Thành phố Hà Nội cũng có nhiều thay đổi. Bài viết khái quát thực trạng huy động và sử dụng nguồn tài chính của giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội những năm gần đây, phân tích những thành tựu, đóng góp của nó cho giáo dục và đào tạo; mặt khác chỉ ra những tồn tại, hạn chế và khuyến nghị một số định hướng tăng cường quản lý tài chính của giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội những năm tới.

Từ khóa: Huy động và sử dụng tài chính; Giáo dục và Đào tạo, Thành phố Hà Nội

1. Thực trạng huy động và sử dụng tài chính của giáo dục và đào tạo ở Thành phố Hà Nội hiện nay.

Thứ nhất về huy động nguồn tài chính. Nguồn tài chính cho giáo dục và đào tạo của Thành phố được hình thành từ Ngân sách nhà nước (NSNN) và ngoài NSNN. Từ năm 2009 đến nay, quy mô nguồn tài chính từ NSNN cấp cho GD-ĐT tăng lên. Nếu như năm 2010, chỉ NSNN cho GD-ĐT trên địa bàn là 868.834 triệu đồng tăng 19,02% so với năm 2009 thì năm 2011 số chỉ NSNN cho GD-ĐT là 7.180.726 triệu đồng, tăng hơn 8,16 lần so với năm 2010. Quy mô tài chính từ NSNN năm 2012 ước tính là 7.407.461 triệu đồng và năm 2013 dự kiến là 7.802.921 triệu đồng. Xét về cơ cấu, tỷ lệ chi từ NSNN cho GD-ĐT chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn tài chính cho GD-ĐT trên địa bàn thành phố. Từ năm 2009 đến nay thường chiếm tỷ lệ hơn 82% đến hơn 83% (Xem bảng 1).

Nguồn ngoài ngân sách chủ yếu được hình thành từ học phí và xã hội hóa. Nguồn tài chính này cũng ngày càng tăng lên. Nếu như từ 2010 về trước, nguồn học phí thu được giữ lại sử dụng cho GD-ĐT trong khoảng hơn 150 tỷ đến hơn 160 tỷ đồng,

thì từ năm 2011 nguồn thu này tăng lên nhanh chóng. Năm 2011 là hơn 1.448 tỷ đồng; năm 2012 ước thực hiện là hơn 1.492 tỷ đồng và năm 2013 dự kiến sẽ là hơn 1.266 tỷ đồng. Về cơ cấu, nguồn học phí luôn giữ tỷ lệ khoảng hơn 16% đến hơn 17% tổng nguồn ngân sách cho GD-ĐT (Xem bảng 1).

Bên cạnh nguồn tài chính từ NSNN, học phí do người dân đóng góp trong những năm qua công tác XHH được chú ý, đã thu hút các nguồn lực đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để phát triển GD-ĐT. Một số trường đã được các tổ chức nhân đạo phi chính phủ nước ngoài viện trợ để xây dựng CSVC. Chẳng hạn, năm 2010, trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu, trực thuộc Sở GD-ĐT đã được tổ chức Christoffel Blindenmission (CBM) của Cộng hòa Liên bang Đức viện trợ chương trình giáo dục trẻ khiếm thị tại trường với tổng kinh phí viện trợ là 38.257 USD.

Đối với nguồn lực trong nước, công tác XHH đã huy động được nguồn lực vào việc xây dựng CSVC phát triển GD-ĐT trên địa bàn. Chẳng hạn, năm 2011 thành phố có 15 dự án được chấp thuận địa điểm với diện tích đất 70.728m². Năm học 2010 - 2011, nguồn huy động dành cho GD&ĐT toàn

Bảng 1: Cơ cấu các nguồn tài chính GD - ĐT thành phố Hà Nội

Nội dung	TH 2009	TH 2010	TH 2011	Ước TH 2012	DK 2013
1. Tổng nguồn Ngân sách được sử dụng (triệu đồng)	870.104	1035.636	8.629.280	8.899.472	9.369.532
1.1. Từ NSNN	717.376	868.834	7.180.726	7.407.461	7.802.920
1.2. Thu phí, lệ phí và thu khác được sử dụng theo chế độ	152.728	166.802	1.448.554	1.492.011	1.566.611
2. Cơ cấu (%)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
2.1. Từ NSNN	82,44	83,89	83,21	83,23	83,27
2.2. Thu phí, lệ phí và thu khác được sử dụng theo chế độ	17,54	16,11	16,79	16,77	16,73

Nguồn: Sở GD - ĐT Hà Nội 2009,2010, 2011,2012

Thành phố đạt 3.200 tỷ đồng, trong đó ngân sách Thành phố là 2900 tỷ đồng, nguồn kinh phí huy động của cộng đồng là hơn 300 tỷ đồng.

Thứ hai về quản lý sử dụng nguồn tài chính GD- ĐT thành phố Hà Nội. Trên cơ sở các quy định pháp luật về tài chính, hàng năm, ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đã tiến hành lập, phân bổ dự toán cho các nhiệm vụ đầu tư phát triển, chi thường xuyên, cho điều hành tập trung, cho chương trình mục tiêu (CTMT) quốc gia và CTMT của thành phố; ngoài ra còn sử dụng cho các hoạt động khác như chương trình công nghệ thông tin, cho nghiên cứu khoa học (NCKH),...

Kết quả sử dụng nguồn kinh phí GD - ĐT trên địa bàn thành phố từ năm 2009 đến 2012 và dự kiến 2013 như bảng 2

Bảng 2 cho thấy chi thường xuyên chiếm tỷ trọng

lớn trong chi NSNN cho GD - ĐT trên địa bàn và có xu hướng tăng lên. Nếu so với năm 2009 thì năm 2012 dự kiến sẽ tăng lên hơn 1,9 lần. Chi đầu tư phát triển từ năm 2011 đến nay đã được chú ý và có xu hướng sẽ gia tăng. Kinh phí đầu tư cho các CTMT quốc gia và CTMT của thành phố cũng có xu hướng gia tăng, nhất là CTMT của thành phố. Điều này thể hiện sự quan tâm của thành phố đến đẩy mạnh sự nghiệp phát triển GD- ĐT trên địa bàn.

2. Những thành tựu chủ yếu trong huy động và sử dụng tài chính của giáo dục và đào tạo ở Thành phố Hà Nội

Thứ nhất, nguồn tài chính đã bước đầu được đa dạng hóa, đáp ứng nhu cầu phát triển GD – ĐT của thành phố. Trong những năm qua cùng xu thế chung của cả nước, Hà Nội đã dành sự quan tâm và đầu tư cho GD – ĐT, Ngân sách đầu tư cho giáo dục

Bảng 2: Sử dụng nguồn kinh phí từ NSNN của GD – ĐT ở Thành phố Hà Nội

	TH 2009	TH 2010	TH 2011	DT.2012	DT.2013
Chi từ NSNN cho GD&ĐT (triệu đồng)	717.376	868.834	7.180.726	7.407.461	7.802.920
1.Chi NSNN cho đầu tư phát triển	-	-	1.667.449	1.717.472	1.803.346
2. Chi thường xuyên	654.368	793.197	5.407.459	5.589.482	5.882.974
3. Kinh phí điều hành tập trung	18.793	50.256			
4. CTMT	5.848	25.241	105.372	100.057	116.100
5. Chi NCKH	731	140			
6. Chi khác, dự án ODA (nếu có)	37.636		430	450	500

Nguồn: Sở GD - ĐT Hà Nội 2009, 2010, 2011, 2012.

Bảng 3: Cơ cấu chi từ NSNN cho GD – ĐT

Đơn vị tính: %

	TH 2011	Ước TH 2012	Dự toán 2013
Tổng chi	100,00	100,00	100,00
1. Chi NSNN cho đầu tư phát triển	23,22	23,18	23,11
2. Chi thường xuyên	75,30	75,45	75,39
3. CTMT	1,47	1,35	1,48
4. Chi khác, dự án ODA (nếu có)	0,01	0,02	0,02
<i>Nguồn Sở GD&ĐT</i>			

đã được đa dạng và có xu hướng tăng lên. Nguồn NSNN vẫn đóng vai trò chủ đạo, chiếm hơn 80% tổng nguồn đầu tư cho Giáo dục và đào tạo toàn thành phố. Nguồn ngoài NSNN cũng đã được chú ý khai thác, thông qua việc thu phí, học phí, phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập (bảng 1). Nhờ nguồn tài chính được đa dạng và ngày càng tăng, mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp, cơ sở vật chất (CSVC) của các trường được đầu tư xây dựng ngày càng theo hướng kiên cố, hiện đại hoá; đội ngũ cán bộ giáo viên ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đời sống ngày càng được cải thiện.

Số liệu của bảng 2 và bảng 3 cho thấy cơ cấu chi từ NSNN để đáp ứng các nhiệm vụ của GD - ĐT trong các năm 2011- 2013. Qua bảng ta thấy, tỷ lệ cho đầu tư phát triển chiếm hơn 23%. Nguồn tài chính này được sử dụng cho chi đầu tư XD CB tập trung để xây dựng trường sở, xoá phòng tạm, phòng bán kiên cố xuống cấp,... Hơn 75% là chi thường xuyên cho hoạt động GD- ĐT các cấp học, trong đó có thanh toán cá nhân và quản lý chung của ngân hàng. Trong khoảng 1,4% đến gần 1,5% chi cho các

CTMT quốc gia và thành phố nhằm đổi mới chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường tin học cho công tác giảng dạy, học tập và quản lý.

Để đánh giá việc đáp ứng nhu cầu nguồn tài chính cho GD - ĐT, chúng tôi đã điều tra khảo sát 50 cán bộ các cấp trong đó có 35 cán bộ là lãnh đạo và chuyên viên các Sở Tài chính, Sở GD - ĐT và Sở Kế hoạch và Đầu tư, cán bộ quản lý GD- ĐT của các phòng chức năng quản lý giáo dục của các quận huyện; 15 cán bộ lãnh đạo và chuyên viên tài chính của các trường về vấn đề này. Với câu hỏi "*Xin đồng chí cho biết với cơ chế, chính sách tài chính hiện hành, nguồn tài chính cho GD - ĐT của đơn vị đã đáp ứng nhu cầu ở mức độ nào. Bằng cách cho điểm từ 1 đến 5, trong đó điểm 5 là đáp ứng 100% nhu cầu*". Ý kiến trả lời được tổng hợp ở bảng 4.

Bảng 4 cho thấy, sự đánh giá của các cấp quản lý nhà nước và đơn vị cơ sở khá thống nhất. Nhìn chung, cơ chế sử dụng nguồn tài chính đã đáp ứng khá tốt nhu cầu cho duy trì hoạt động thường xuyên của GD- ĐT và thực hiện các CTMT quốc gia và các CTMT của thành phố. Tuy nhiên việc đầu tư phát triển, chương trình công nghệ thông tin và

Bảng 4: Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu nguồn tài chính cho phát triển GD - ĐT

	Chung		Thành phố		Trường	
	Tổng số	TB	Tổng số	TB	Tổng số	TB
1. Tài chính cho đầu tư phát triển	50	3.22	35	3.27	15	3.13
2. Duy trì HĐTX GD và ĐT	50	4.78	35	4.77	15	4.80
3. Phục vụ điều hành tập trung hoạt động GD&ĐT	50	3.32	35	3.34	15	3.27
4. Thực hiện CTMT	50	3.7	35	3.71	15	3.67
5. Thực hiện chương trình công nghệ thông tin	50	3.5	35	3.51	15	3.47
6. Thực hiện chương trình NCKH	50	3.6	35	3.62	15	3.53
7. Đánh giá chung	50	3.6	35	3.57	15	3.67
<i>Nguồn: Hoàng Thị Thu Phương, 2012</i>						

Bảng 5: Tình hình sử dụng nguồn tài chính cho GD - DT

	Chung		Thành phố		Trường	
	Tổng số	TB	Tổng số	TB	Tổng số	TB
1. Sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính	50	4.60	35	4.51	15	4.80
2. Sử dụng đúng nguyên tắc và chế độ tài chính	50	4.42	35	4.40	15	4.46
3. Sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính	50	3.9	35	3.97	15	3.73
4. Sử dụng theo tiến độ ngân sách	50	3.7	35	3.77	15	3.53
5. Sử dụng tiết kiệm, tránh lãng phí	50	3.72	35	3.71	15	3.73
<i>Nguồn: Hoàng Thị Thu Phương, 2012</i>						

NCKH còn đáp ứng ở mức độ trung bình khá, nhất là nhu cầu đầu tư phát triển, vì thế nhìn chung mức đáp ứng nhu cầu GD-ĐT trên địa bàn thành phố cũng mới ở mức trung bình khá, đạt 3,6 điểm hay đáp ứng được 72% nhu cầu tài chính.

Thứ hai, công tác quản lý sử dụng nguồn tài chính được tăng cường nền đảm bảo nguồn tài chính được sử dụng đúng mục đích, đúng nguyên tắc. Chính vì thế khi hỏi “Xin đồng chí hãy đánh giá tình hình thực hiện các yêu cầu sử dụng nguồn tài chính của các cơ sở GD & ĐT thuộc đơn vị đồng chí hiện nay, bằng cách cho điểm từ 1 đến 5, trong đó, 5 là thực hiện yêu cầu cao nhất” ý kiến của 50 cán bộ được khảo sát ở bảng 5.

Thứ ba, cơ chế quản lý sử dụng nguồn tài chính đã có tác động tích cực thúc đẩy sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn thủ đô. Điều đó thể hiện quy mô trường, nhóm lớp, học sinh, cán bộ giáo viên, số cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, số phòng học kiên cố, số học sinh phổ cập giáo dục, số học sinh học hai ca/ngày tăng lên, năm sau hơn năm trước (Xem bảng 6).

Đặc cụ thể một số đóng góp của cơ chế quản lý sử dụng nguồn tài chính nhóm tác giả xin nêu một số ví dụ:

- **Về đội ngũ giáo viên.** Đội ngũ giáo viên được đảm bảo về số lượng và chất lượng ở tất cả các cấp học như mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung

học phổ thông, kỹ thuật tổng hợp giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp; ở cả hai hệ giáo dục công lập và ngoài công lập. Nếu năm 2009 đội ngũ giáo viên của Hà Nội là 72.646 người, thì năm 2010 tăng lên 77.738 người, và năm 2011 tăng lên là 82.885 người. Nhìn chung, các đơn vị được đảm bảo đủ về số lượng giáo viên định biên theo quy định. Về cơ bản đội ngũ giáo viên đảm bảo đồng bộ, cân đối về cơ cấu; có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Đến nay 100% giáo viên ở các bậc học, cấp học của Hà Nội đã đạt chuẩn. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn Mầm non: 37,1%; Tiểu học: 92%; THCS: 62,4%; THPT: 15,9%; GDTX: 3,2%; TCCN: 36,2%. (Số GD - ĐT Hà Nội, 2011, 2012).

- **Về CSVC,** cho đến năm 2011, ở 3 cấp học mầm non, tiểu học và THCS, tập trung thuộc 15 quận, huyện, thị xã thuộc địa bàn Hà Nội mở rộng (vùng ngoại thành, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc) có tổng số phòng học tạm, phòng học bán kiên cố xuống cấp cần được xây dựng lại là 5.523 phòng. Trước tình hình đó, Thành phố đã cân đối, bố trí kế hoạch từ vốn ngân sách thành phố hỗ trợ có mục tiêu và vốn trái phiếu Chính phủ để xóa phòng tạm, phòng bán kiên cố xuống cấp trên địa bàn. Cho đến tháng 10 năm 2012 tổng số phòng học tạm, phòng học bán kiên cố xuống cấp đã xóa là 5.755 phòng,

Bảng 6: Một số chỉ tiêu phát triển GD - DT thủ đô 2009-2012

	2009	2010	2011	2012
Số cơ sở giáo dục	2375	2455	2434	2443
Số nhóm lớp	43.722	39.988	46.251	
Số học sinh	1.337.152	1.377.605	1.573.611	1.493.881
Số cán bộ giáo viên	94.500	97.930	110.441	
Tr. độ giáo viên	72.646	77.738	82.885	
Số CSGD đạt chuẩn quốc gia	465	543	610	672
<i>Nguồn: Sở GD - ĐT Hà Nội 2009, 2010, 2011, 2012.</i>				

so với số phòng được duyệt của Đề án cần xóa 4.415 phòng vượt 1.340 phòng và đạt tỷ lệ 130,35% so với kế hoạch được duyệt của Đề án. Ngoài ra còn xây mới thêm được 1.007 phòng học để bổ sung phòng học còn thiếu. (Sở GD - ĐT Hà Nội, 2011, 2012)

3. Một số bất cập và khuyến nghị tăng cường quản lý tài chính đối với giáo dục và đào tạo ở Thành phố Hà Nội những năm tới

Bên cạnh những thành tựu trên đây, quản lý tài chính Giáo dục và Đào tạo của Thành phố Hà Nội vẫn còn một số bất cập, như chưa phát huy được tính chủ động và tự chủ của các đơn vị cơ sở trong huy động và sử dụng tài chính (Chính phủ, 2006). Năng lực tổ chức quản lý tài chính chưa theo kịp với yêu cầu (như nhận thức đầy đủ ý nghĩa của của công tác lập dự toán chi ngân sách hàng năm, thuyết minh dự toán còn đơn giản, chưa rõ cơ sở khoa học, chưa sắp xếp thứ tự ưu tiên trong lập dự toán nên không chủ động trong chi tiêu; chất lượng báo cáo quyết toán các đơn vị chưa cao, hồ sơ sổ sách kế toán một số đơn vị còn không đúng quy định) nên hiệu quả sử dụng tài chính chưa cao. Việc cấp ngân sách vẫn còn chậm theo tiến độ, nhất là với các công trình đầu tư XDCB, công trình chống xuống cấp nên ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả nguồn tài chính. Mặc dù đã có định mức cụ thể, nhưng việc phân bổ dự toán vẫn còn mang tính chất bình quân, chưa chú ý đầy đủ đặc điểm của vùng miền nên vẫn còn chưa đảm bảo tính công bằng trong GD - ĐT. Hoạt động thanh, kiểm tra của các cơ quan quản lý tài chính mang nhiều tính hình thức, nhiều vụ việc vi phạm không bị phát hiện và xử lý kịp thời. Những hạn chế chủ yếu của cơ chế quản lý sử dụng nguồn tài chính được thể hiện trong ý kiến trả lời của cán bộ quản lý

nhà nước về GD - ĐT và cán bộ quản lý cấp trường ở bảng 7.

Qua bảng 7 ta thấy, ngoại trừ việc hướng dẫn chi tiêu được thực hiện thường xuyên, rõ ràng có thể nói được xếp vào loại tốt, còn lại từ nhận thức về ý nghĩa của công tác lập dự toán chi ngân sách, đến việc chấp hành kỷ luật dự toán chi thường xuyên, chất lượng của công tác quyết toán, tính nghiêm minh trong xử lý vi phạm và tính công bằng trong phân bổ tài chính còn phải được chú ý hoàn thiện nhiều hơn. Chính điều đó đã ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố.

Để phát huy vị trí Thủ đô Hà Nội, những năm tới mục tiêu phát triển của GD&ĐT Thủ đô là “xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp Thủ đô Hà Nội và cả về quy mô và chất lượng, giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước và tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và quốc tế góp phần thực hiện 3 nhiệm vụ chiến lược: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; xây dựng xã hội học tập, tạo tiền đề phát triển kinh tế tri thức, phục vụ thiết thực yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô và đất nước. Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp học Thành phố Hà Nội đảm bảo cơ cấu hợp lý theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa, chuẩn hóa và đáp ứng nhu cầu học tập mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố; Xác định và bố trí quỹ đất dành cho hệ thống trường học theo cơ cấu và loại hình đào tạo” (UBNDTPHN, 2012). Theo đó, Hà Nội đã dự kiến quy mô học sinh các cấp học như bảng 8.

Bảng 7: Đánh giá mức độ đảm bảo cho công tác quản lý tài chính cho GD - ĐT

	Chung		Thành phố		Trường	
	T.số	TB	T. số	TB	T. số	TB
1. Nhận thức về tầm quan trọng của công tác lập dự toán chi ngân sách	50	3.36	35	3.3	15	3.5
2. Tính công bằng trong phân bổ tài chính	50	3.8	35	3.91	15	3.53
3. Tính thường xuyên, rõ ràng trong hướng dẫn chi tiêu	50	4.7	35	4.80	15	4.46
4. Việc chấp hành kỷ luật dự toán chi thường xuyên.						
5. Chất lượng quyết toán ngân sách	50	3.26	35	3.2	15	3.4
6. Tính nghiêm minh trong xử lý vi phạm	50	3.6	35	3.62	15	3.53

Nguồn: Hoàng Thị Thu Phương, 2012

Muốn thực hiện được mục tiêu trên, một trong những điều kiện quan trọng không thể thiếu là phải có nguồn lực tài chính và cơ chế quản lý sử dụng nguồn tài chính phù hợp. Hà Nội đã dự báo nhu cầu chi NSNN cho GD-ĐT giai đoạn 2011-2020 như sau:

Việc tăng cường đầu tư từ NSNN cho GD-ĐT của Hà Nội như trên là rất lớn, vì thế cần hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của GD-ĐT. Với tinh thần coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, một mặt, Hà Nội cần ưu tiên và tăng mức đầu tư từ NSNN cho phát triển GD-ĐT; phải đa dạng hoá các nguồn tài chính, huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho giáo dục; Mặt khác, cần phải quan tâm đến việc quản lý sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn tài chính, làm cho tài chính trở thành một công cụ đắc lực để phục vụ phát triển sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo. Việc hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho giáo dục hướng vào huy động ngày càng tăng và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội để nâng cao chất lượng và tăng quy mô giáo dục, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Phân bổ ngân sách cho giáo dục phải đảm bảo khoa học hợp lý và rõ ràng công khai theo những mục tiêu ưu tiên được xác định trong các chính sách phát triển GD-ĐT; các định mức để phân bổ ngân sách phải linh hoạt hài hoà và phù hợp. Làm tốt công tác tự kiểm tra tăng cường công tác giám sát tài chính và gắn quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng ngân sách với hiệu quả đầu tư của các cơ sở giáo dục theo quy định của Luật giáo dục, Luật NSNN và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 26/05/2006 của Chính phủ.

Thứ hai, đẩy mạnh phân cấp quản lý tài chính

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2006). Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25/04/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Hoàng Thị Thu Phương (2012). *Kết quả điều tra khảo sát của đề tài Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của GD-ĐT ở thành phố Hà Nội*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Sở GD-ĐT Hà Nội (2009, 2010, 2011, 2012) *Kế hoạch phát triển GD-ĐT năm 2010, 2011, 2012 và 2013*
4. UBND (2011). *Dự thảo "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 -2015 của thành phố Hà Nội"* - UBND Thành phố Hà Nội - 05/2011, tr. 01.
5. UBNDTPHN (2012) *Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, GDTX, giáo dục chuyên nghiệp Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*

ngân sách giáo dục cho các cấp chính quyền địa phương quận, huyện, thị xã nhằm nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm và phát huy khả năng huy động nguồn lực tại chỗ cho phát triển giáo dục ở địa phương.

Thứ ba, sử dụng các nguồn tài chính tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài chính góp phần quan trọng vào việc đưa sự nghiệp GD-ĐT phát triển bền vững.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế quản lý sử dụng tài chính cần đảm bảo sự bình đẳng trong phát triển giáo dục giữa các vùng miền của Hà Nội. Một mặt, đảm bảo phát huy được lợi thế của các quận, các tầng lớp dân cư có thu nhập cao, sẵn sàng chấp nhận chi trả cao để có chất lượng giáo dục tốt, nhất là các quận ở khu vực 1 (gồm 4 quận nội thành gồm Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng) và khu vực 2 (khu vực đô thị mới gồm 8 quận Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Long Biên, Hoàng Mai, Hà Đông, Sơn Tây, Gia Lâm, Thanh Trì và Từ Liêm). Mặt khác, cần có chính sách điều chỉnh mức thu học phí để phù hợp với mức thu nhập dân cư từng khu vực và từng bậc học; có kế hoạch phát triển hợp lý số lượng các trường trong từng cấp học để phù hợp với nhu cầu học tập cũng như nguồn và khả năng tài chính trong dân cư ở khu vực 3 (các huyện ngoại thành, gồm các huyện: Đông Anh, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa và Mê Linh) và khu vực 4, (chủ yếu thuộc huyện Ba Vì, Thạch Thất, Mỹ Đức, Quốc Oai có 13 xã khó khăn, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và điều kiện kinh tế- xã hội còn nhiều khó khăn) theo kịp với sự phát triển của nền giáo dục của Thủ đô Hà Nội.□